TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9** **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**
Bản án số: 14/2025/DS-ST Ngày: 29-9-2025 *V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Tam

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Gia Đông;

2. Ông Nguyễn Tấn Hải;

Thư ký ghi biên bản phiên tòa phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Quý - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 - Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Đà Nẵng tham gia phiên tòa: bà Bùi Thị Hương Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân khu vực 9 - Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 38/2024/TLST-DS ngày 03 tháng 10 năm 2024, về việc: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2025/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 3 năm 2025 và các quyết định hoãn phiên toà, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng N1; địa chỉ: số B L, thành phố Hà Nội; Chi nhánh H1 - Quảng Nam.

Người đại diện: ông Phạm Tường V; Chức vụ: Tổng giám đốc; người đại diện theo uỷ quyền có ông Võ Quốc Bảo N; Chức vụ: Trưởng phòng.

* Ông N có mặt.

- Bị đơn: bà Nguyễn Thị Ngọc Q, sinh năm 1987 và ông Trần Văn X, sinh năm 1980; địa chỉ: thôn N, xã H, thành phố Đà Nẵng.

* Bà Q có mặt, còn ông X vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 02/10/2024, bản tự khai ngày 02/10/2024, các phiên hoà giải các ngày 28/10/2024, ngày 17/12/2024 và tại phiên toà, người đại diện của nguyên đơn ông Võ Quốc Bảo N trình bày:

Bà Nguyễn Thị Ngọc Q và ông Trần Văn X trong thời kỳ hôn nhân có vay vốn tại Ngân hàng A có Chi nhánh H1 theo Hợp đồng tín dụng số 4214LAV202100586 ngày 03/06/2021 được ký kết giữa A chi nhánh H1 với người đại diện của bên vay là bà Nguyễn Thị Ngọc Q theo Hợp đồng ủy quyền ngày 02/06/2021; Hạn mức cho vay là: 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng). Trong đó: Hạn mức thấu chi qua thẻ NNNT là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng). Thời gian duy trì hạn mức: 36 tháng, kể từ ngày 03/06/2021. Lãi suất quá hạn 150% lãi suất cho vay trong hạn. Mục đích vay: Chi tiết theo từng Báo cáo đề xuất giải ngân kiêm giấy nhận nợ. Chi tiết các lần nợ nhận như sau:

+ Ngày 03/06/2021, giấy nhận nợ số 4214LDS202100938 số tiền nhận nợ: 170.000.000 đồng; thời hạn cho vay: 36 tháng; lãi suất: 10,5%/năm; mục đích vay: Mua bò. Dư nợ hiện tại: 50.000.000 đồng; Hạn trả nợ gốc cuối cùng ngày 03/06/2024, hạn trả nợ lãi kỳ tiếp theo ngày 02/10/2023.

+ Ngày 28/07/2022, giấy nhận nợ số 4214LDS202201565, số tiền nhận nợ: 32.000.000 đồng; thời hạn cho vay: 12 tháng; lãi suất: 9,5%/năm; mục đích vay: Mua bò. Dư nợ hiện tại: 32.000.000 đồng; Hạn trả nợ gốc và lãi ngày 28/07/2023.

Trong quá trình thực hiện thỏa thuận theo Hợp đồng tín dụng số 4214LAV202100586 ngày 03/06/2021. Bà Nguyễn Thị Ngọc Q và ông Trần Văn X đã vi phạm hợp đồng tín dụng đã ký kết, không trả nợ tiền gốc lãi đúng hạn theo thỏa thuận. Cụ thể như sau:

+ Ngày 28/07/2023, bà Nguyễn Thị Ngọc Q và ông Trần Văn X đã không trả gốc và lãi đúng hạn theo giấy nhận nợ số 4214LDS202201565 ngày 28/07/2022 số tiền là : 33.845.041 đồng, trong đó: số tiền gốc là 32.000.000 đồng và số tiền lãi là 1.845.041 đồng. Hiện nay đã quá hạn 794 ngày.

+ Ngày 02/10/2023, bà Nguyễn Thị Ngọc Q và ông Trần Văn X đã không trả lãi đúng hạn theo giấy nhận nợ số 4214LDS202100938 ngày 03/06/2021 số tiền là: 2.832.876 đồng. Hiện nay đã quá hạn 728 ngày.

Tính đến ngày 29/09/2025, bà Nguyễn Thị Ngọc Q và ông Trần Văn X còn nợ A chi nhánh H1 số tiền gốc và lãi tính đến ngày 29/09/2025 là: 110.926.613 đồng. Trong đó, số tiền gốc là: 82.000.000 đồng, số tiền lãi là: 28.926.613 đồng.

Mặc dù Ngân hàng chúng tôi đã tìm mọi biện pháp đôn đốc bà Nguyễn Thị Ngọc Q và ông Trần Văn X trả nợ theo đúng cam kết, tuy nhiên vẫn không có kết quả. Đồng thời, khách hàng có biểu hiện chây ỳ không hợp tác theo đúng cam kết trả nợ theo Hợp đồng tín dụng số 4214LAV202100586 ngày 03/06/2021 đã được ký kết.

Ngày 02/10/2024, A chi nhánh H1 đã khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết, buộc bà Nguyễn Thị Ngọc Q và ông Trần Văn X liên đới chịu trách nhiệm trả cho A chi nhánh H1 tổng số tiền là 110.926.613 đồng; trong đó, số tiền gốc là 82.000.000 đồng và lãi tính đến ngày 29/09/2025 là: 28.926.613 đồng và tiếp tục tính lãi theo Hợp đồng tín dụng trên.

- *Bị đơn anh* Trần Văn X *vắng mặt không có phần tình bày tại phiên toà; tại bản tự khai và phiên hoà giải ngày 28/10/2024, anh* Trần Văn X *trình bày:*

Tôi thừa nhận trước đây khi tôi và chị Nguyễn Thị Ngọc Q khi chưa ly hôn có vay của Ngân hàng A - chi nhánh huyện H1 (nay là chi nhánh H1) số tiền là số tiền 200.000.000 đồng. Tuy nhiên, sau đó chúng tôi bán và khai thác rừng, tôi đã đưa tiền cho chị Q trả toàn bộ số tiền vay này cho Ngân hàng A. Nay, Ngân hàng A khởi kiện yêu cầu tôi và chị Q trả tiền, tôi không đồng ý. Vlý do tôi không đồng ý trả nợ vì việc chị Q vay tiền tại ngân hàng tôi hoàn toàn không biết, tôi không nhận tiền và không sử dụng số tiền này. Đồng thời, chữ ký trong hợp đồng uỷ quyền không phải là chữ ký của tôi, tôi yêu cầu làm rõ vì sao có chữ ký của tôi, ai là người làm giả chữ ký của tôi.

- *Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên toà, bị đơn* Nguyễn Thị Ngọc Q *trình bày:*

Ngày 03/06/2021, tôi đã ký kết hợp đồng tín dụng số 4214LAV202100586 với Ngân hàng A - chi nhánh H1. Tôi là người đại diện cho anh Trần Văn X ký vào hợp đồng tín dụng nêu trên theo hợp đồng ủy quyền được chứng thực tại UBND xã Q, huyện H ngày 02/6/2021. Mục đích vay khoản tiền nêu trên là để chăn nuôi bò, trả nợ do vợ chồng làm nhà trong thời kỳ hôn nhân và để đáp ứng những nhu cầu thiết yêu của gia đình. Theo các thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 4214LAV202100586 ngày 03/6/2021, hạn mức vay là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng). Trong quá trình thực hiện hợp đồng, tôi và anh X đã trả cho Ngân hàng A số tiền 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng) tiền nợ gốc, số nợ gốc còn lại là 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng). Trước khi tôi và anh Trần Văn X xảy ra mâu thuẫn, anh Trần Văn X đã trả lãi cho A thông qua chị Đinh Thị P - Tổ trưởng tổ vay vốn tại địa phương, là người liên hệ với Ngân hàng và hướng dẫn làm hồ sơ vay cho tôi và anh X. Sau đó, tôi và anh X có vay thêm của ngân hàng A số tiền 2.000.000 đồng để trả tiền lãi của khoản nợ nêu trên. Tổng số tiền gốc tôi và anh Trần Văn X còn nợ ngân hàng A là 82.000.000 đồng. Vào giữa năm 2022, tôi và anh Trần Văn X phát sinh mâu thuẫn và đã ly hôn theo Bản án số 42/2022/HNGĐ-ST ngày 19/7/2022 của Toà án nhân dân huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam (nay là Toà án nhân dân khu vực 9 – Đà Nẵng). Vì tôi và anh Trần Văn X đã ly hôn nhưng không thỏa thuận được nghĩa vụ thanh toán khoản nợ chung nên chúng tôi đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng. Việc anh X không đồng ý trả nợ cho ngân hàng và nêu ra những lý do nêu trên, tôi có ý kiến như sau:

Việc vay tiền anh X biết rất rõ vì chúng tôi cùng thống nhất vay để chăn nuôi và trả nợ chung khi làm nhà ở. Tôi là người nhận tiền vay nhưng nhận về sử dụng vào mục đích chung của tôi và anh X.

Việc anh xong khai không ký vào hợp đồng uỷ quyền là không đúng vì tôi lập hợp đồng uỷ quyền tại UBND xã có sự chứng kiến của các bên liên quan, tôi không thể tự làm được.

Nay Ngân hàng A chi nhánh H1 khởi kiện yêu cầu tôi và anh Trần Văn X liên đới chịu trách nhiệm trả cho A chi nhánh H1 tổng số tiền tạm tính đến ngày 29/09/2025 là: 110.926.613 đồng; Trong đó, số tiền nợ gốc là 82.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 29/09/2025 là: 28.926.613 đồng và tiếp tục tính lãi theo Hợp đồng tín dụng trên.

Tôi đồng ý cùng với anh Trần Văn X có nghĩa vụ trả số tiền nêu trên cho Ngân hàng. Trong đó, tôi và anh Trần Văn X mỗi người một nửa, cụ thể số tiền tôi và anh Trần Văn X mỗi người phải trả cho ngân hàng là: 55.463.306 đồng và tiếp tục chịu lãi theo thoả thuận trong hợp đồng tín dụng.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa, của nguyên đơn và của bị đơn chị Nguyễn Thị Ngọc Q kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng quy định pháp luật, riêng bị đơn anh Trần Văn X không thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc anh Trần Văn X và chị Nguyễn Thị Ngọc Q phải trả cho Ngân hàng A khoản tiền nợ tính đến ngày 29/09/2025 là: 110.926.613 đồng và tiếp tục chịu lãi theo thoả thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết đến khi thanh toán xong các khoản nợ cho Ngân hàng A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngân hàng N1 (A) khởi kiện yêu cầu ông Trần Văn X và bà Nguyễn Thị Ngọc Q trả tiền nợ vay theo hợp đồng tín dụng đã ký kết nên xác định quan hệ pháp luật là "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh Trần Văn X và chị Nguyễn Thị Ngọc Q có nơi cư trú tại thôn N, xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Nam (nay là thôn N, xã H, thành phố Đà Nẵng) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam (nay là Toà án nhân dân khu vực 9 - Đà Nẵng) theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Trần Văn X đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, không có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Trần Văn X.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: Ngân hàng A1 với anh Trần Văn X và chị Nguyễn Thị Ngọc Q đã ký kết hợp đồng tín dụng số 4214LAV202100586 ngày 03/6/2021, chị Nguyễn Thị Ngọc Q là người đại diện cho anh Trần Văn X ký hợp đồng này theo hợp đồng uỷ quyền được chứng thực tại UBND xã Q, huyện H cũ ngày 02/6/2021. Hợp đồng tín dụng số 4214LAV202100586 ngày 03/6/2021 và giấy nhận nợ số 4214LDS202100938 ngày 03/06/2021 và giấy nhận nợ số 4214LDS202201565 ngày 28/07/2022 thể hiện chị Nguyễn Thị Ngọc Q và anh Trần Văn X vay của Ngân hàng A số tiền 200.000.000 đồng (*Hai trăm tiệu đồng*). Xét hợp đồng tín dụng số 4214LAV202100586 ngày 03/6/2021 ký kết giữa Ngân hàng A với anh Trần Văn X và chị Nguyễn Thị Ngọc Q đảm bảo về hình thức, nội dung, điều kiện có hiệu lực được quy định tại các Điều 385, 398, 401, 463 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên phát sinh hiệu lực pháp luật, các bên phải thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình đã thỏa thuận trong hợp đồng. Sau khi ký kết hợp đồng, bên vay đã thực hiện trả được một phần tiền nợ gốc và lãi, nhưng sau đó bên vay không thực hiện nghĩa vụ thanh toán như đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nêu trên, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng.

Anh Trần Văn X thừa nhận là anh X và chị Q có vay số tiền gốc là 200.000.000 đồng tại Ngân hàng A như đơn khởi kiện. Tuy nhiên, anh Trần Văn X cho rằng anh đã đưa tiền cho chị Q trả toàn bộ số tiền vay này cho Ngân hàng, việc chị Q vay tiền tại ngân hàng anh X hoàn toàn không biết, anh X không nhận tiền và không sử dụng số tiền này. Chữ ký trong hợp đồng uỷ quyền không phải là chữ ký của anh Trần Văn X. Vì vậy, anh Trần Văn X không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của Ngân hàng A.

Chị Nguyễn Thị Ngọc Q cũng thừa nhận chị Q và anh X có vay số tiền gốc là 200.000.000 đồng tại Ngân hàng A như đại diện Ngân hàng trình bày. Chị Q cho rằng tuy chị là người trực tiếp nhận khoản tiền vay từ ngân hàng A nhưng mục đích vay khoản tiền này là để phục nhu cầu thiết yếu của gia đình anh chị trong thời kỳ hôn nhân. Việc vay tiền anh X biết rất rõ vì chị Q và anh X cùng thống nhất vay. Việc anh xong khai không ký vào hợp đồng uỷ quyền là không đúng vì hợp đồng uỷ quyền được lập, chứng thực tại UBND xã Q có sự chứng kiến của các bên liên quan. Chị Nguyễn Thị Ngọc Q thừa nhận chị Q và anh X đã vi phạm thời hạn trả nợ và thống nhất số tiền chị Q và anh X còn nợ Ngân hàng A tính đến ngày 29/09/2025 là: 110.926.613 đồng. Chị Q đồng ý cùng với anh Trần Văn X trả số tiền nêu trên cho Ngân hàng A theo tỉ lệ chị Q và anh X mỗi người chịu một nửa số tiền gốc và lãi; cụ thể số tiền mỗi người phải trả cho ngân hàng A là: 55.463.306 đồng và tiếp tục chịu lãi theo thoả thuận trong hợp đồng tín dụng.

Tại biên bản xác minh ngày 17/12/2024, chị Đinh Thị P là Tổ trưởng tổ vay vốn của Ngân hàng A phụ trách thôn N, xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Nam (Nay là

thôn N, xã Q, thành phố Đà Nẵng) cho biết: Anh Trần Văn X và chị Nguyễn Thị Ngọc Q có hỏi chị P về thủ tục vay vốn tại Ngân hàng A. Sau khi được chị P hướng dẫn, anh X và chị Q tự thực hiện thủ tục vay vốn tại Ngân hàng A. Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, chị P là người phụ trách thu tiền lãi của chị Q và anh X. Chị P cho biết từ khi anh X và chị Q vay tiền đến tháng 6/2023, chỉ có anh Trần Văn X là người trực tiếp trả tiền lãi bằng hình thức chuyển khoản hoặc đưa tiền trực tiếp. Tại bản sao kê tài khoản ngân hàng A của chị P có số tài khoản 4214205075932 thể hiện vào các ngày 19/01/2023, ngày 27/02/2023, ngày 27/3/2023, ngày 22/4/2023, chị P nhận được các số tiền lần lượt 416.000 đồng, 445.000 đồng, 446.000 đồng, 473.000 đồng có nội dung là: "TRAN VAN XONG chuyen khoan".

Tại biên bản xác minh ngày 24/12/2024, ông Trần Đức T là công chức Tư pháp – Hộ tịch xã Q cho biết: Ngày 02/6/2021, ông Trần Văn X và bà Nguyễn Thị Ngọc Q có đến trực tiếp tại trụ sở UBND xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Nam (nay là xã H, thành Phố Đà Nẵng) để thực hiện việc chứng thực hợp đồng uỷ quyền về việc ông Trần Văn X uỷ quyền cho bà Nguyễn Thị Ngọc Q thực hiện thủ tục giao dịch liên quan đến vay vốn tại ngân hàng A – Chi nhánh H1. Ông X và bà Q trực tiếp ký vào hợp đồng uỷ quyền trước mặt ông Trần Đức T – Công chức Tư pháp – Hộ tịch xã Q Tại thời điểm đó, ông X và bà Q minh mẫn, tỉnh táo và tự nhận thức được hành vi của mình.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 28/10/2024, ông Võ Quốc Bảo N là Trưởng phòng khách hàng – chi nhánh H1 cho biết: Chi tiết các lần nhận nợ của ông Trần Văn X và bà Nguyễn Thị Ngọc Q như sau: Ngày 03/06/2021, giấy nhận nợ số 4214LDS202100938 số tiền nhận nợ: 170.000.000 đồng; thời hạn cho vay: 36 tháng, lãi suất: 10,5%/năm, mục đích vay: Mua bò, Dư nợ hiện tại: 50.000.000 đồng; Hạn trả nợ gốc cuối cùng ngày 03/06/2024, hạn trả nợ lãi kỳ tiếp theo ngày 02/10/2023; Ngày 28/07/2022, giấy nhận nợ số 4214LDS202201565, số tiền nhận nợ: 32.000.000 đồng, thời hạn cho vay: 12 tháng, lãi suất: 9,5%/năm, mục đích vay: Mua bò, Dư nợ hiện tại: 32.000.000 đồng, H trả nợ gốc và lãi ngày 28/07/2023. Ngoài hai giấy nhận nợ nêu trên, ông Trần Văn X và bà Nguyễn Thị Ngọc Q không còn phát sinh khoản nợ nào tại A - chi nhánh H1 (nay là chi nhánh H1).

Tại Kết luận giám định số 340/KL-KTHS ngày 24/6/2025 của Phòng K Công an tỉnh Q (nay là Công an thành phố Đ) kết luận:

- Không đủ cơ sở kết luận chữ viết họ tên "Trần Văn X" dưới mục "BÊN ỦY QUYỀN" trên Tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ viết của Trần Văn X trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M10 có phải do cùng một người viết ra không.

- Từ chối giám định đối với: Chữ ký đứng tên "Trần Văn X" dưới mục "BÊN ỦY QUYỀN" trên Tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký của Trần Văn X trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M10 do chữ ký không đồng dạng.

Vì vậy, việc ông Trần Văn X từ chối trả nợ cho Ngân hàng A là không có cơ sở; yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc chị Nguyễn Thị Ngọc Q và anh Trần Văn X phải trả cho Ngân hàng A tổng số tiền nợ tạm tính đến ngày tính đến ngày 29/09/2025 là: 110.926.613 đồng; trong đó, số tiền nợ gốc là 82.000.000 đồng, số tiền nợ lãi là: 28.926.613 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 4214LAV202100586 ngày 03/6/2021. Hiện nay, chị Nguyễn Thị Ngọc Q và anh Trần Văn X đã ly hôn theo Bản án số 42/2022/HNGĐ-ST ngày 19/7/2022 của Toà án nhân dân huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam (Nay là Toà án nhân dân khu vực 9 – Đà Nẵng) nên yêu cầu của chị Q về việc chia đôi khoản nợ nêu trên, chị Q và anh Trần Văn X mỗi người phải trả cho ngân hàng số tiền là: 55.463.306 đồng là phù hợp, cần xử chấp nhận.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, chị Q và anh X còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số: 4214LAV202100586 ngày 03/6/2021 đã ký kết, cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

[3]. Về ý kiến phát biểu quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là đúng nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên Ngân hàng A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Chị Q và anh X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 385, 398, 401, 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 24, 27 và Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2914;

- Căn cứ Điều 91, Điều 95 và Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Căn cứ Nghị quyết 01/2019NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất,phạt vi phạm;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng A đối với chị Nguyễn Thị Ngọc Q và anh Trần Văn X.

- Buộc chị Nguyễn Thị Ngọc Q và anh Trần Văn X có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng A có Chi nhánh H1 - Quảng Nam tổng số tiền nợ vay tạm tính đến ngày 29/9/2025 là 110.926.613 đồng (*Một trăm mười triệu chín trăm hai mươi sáu nghìn sáu trăm mười ba đồng*), trong đó: nợ gốc là 82.000.000 đồng (T1 *mươi hai triệu đồng*), nợ lãi là 28.926.613 đồng (*Hai mươi tám triệu chín trăm hai mươi sáu nghìn sáu trăm mười ba đồng*). Trong đó:

+ Chị Nguyễn Thị Ngọc Q phải trả cho Ngân hàng A có Chi nhánh H1 - Quảng Nam số tiền: 55.463.306 đồng (*Năm mươi lăm triệu bốn trăm sáu mươi ba nghìn ba trăm lẻ sáu đồng*);

+ Anh Trần Văn X phải trả cho Ngân hàng A có Chi nhánh H1 - Quảng Nam số tiền: 55.463.306 đồng (*Năm mươi lăm triệu bốn trăm sáu mươi ba nghìn ba trăm lẻ sáu đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, chị Nguyễn Thị Ngọc Q và anh Trần Văn X còn phải tiếp tục chịu lãi đối với số tiền nợ gốc còn nợ theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 4214LAV202100586 ngày 03/6/2021 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho ngân hàng A.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh phù hợp với lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Ngọc Q và anh Trần Văn X, mỗi người phải chịu 2.774.000 đồng (*Hai triệu bảy trăm bảy mươi bốn nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng A có Chi nhánh H1 - Quảng Nam số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.441.000 đồng (*Hai triệu bốn trăm bốn mươi mốt nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0011350 ngày 03 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam (Nay là Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng).

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND Khu vực 9 – Đà Nẵng;
- Phòng Chi cục THADS khu vực 9;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Tam